

**BẢN SAO**

LCV)  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**VĂN BẢN ĐẾN**

Ngày: 12-05-2017

Số:.....11412.....

15-05-2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 28

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển đổi (cổ phần hoá) theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
2	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 226 đường số 28, Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tại Lào Cai	Phiên Đoong, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đinh Ngọc Ánh	Chủ tịch
Ông Đào Viết Thọ	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Anh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm có:

**Ban Giám đốc**

Ông Đinh Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Toán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đinh Ngọc Ánh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

Số 454/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 được lập ngày 12 tháng 4 năm 2017, từ trang 07 đến trang 28 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục hàng tồn kho trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được các đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2016. Do cách thức theo dõi của công ty nên chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm tra thay thế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2016.

Theo thuyết minh số 5.2; 5.3; 5.4 Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu quá hạn trên 90 ngày. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản mục này và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Theo thuyết minh số 5.11, số dư khoản mục chi phí phải trả tại ngày 31/12/2016 chủ yếu là các khoản chi phí trích trước tương với doanh thu đã ghi nhận của một số công trình đã phát sinh nhiều năm và chưa được hoàn chứng từ. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.



Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo đến các mục 5.3; 5.13 về vấn đề liên quan đến dự án Bình Tân. Ngày 12/09/2007, các bên tham gia liên danh gồm Công ty Cổ phần Sông Đà 9, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 ký thỏa thuận liên danh số 01 TTLĐ/SD9-901-906 v/v Hợp tác Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/05/2009, UBND TP. Hồ Chí Minh có văn bản số 2227/UBND-DTMT v/v chấp thuận đầu tư xây dựng dự án nay cho Liên danh 3 Công ty.

Ngày 21/08/2009 theo PL số 02/TTLĐBS/SD9-901-906, các bên liên danh rút khỏi dự án và không tiếp tục tham gia đầu tư dự án KĐT mới Tân Tạo, để cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 là chủ đầu tư duy nhất.

Ngày 29/09/2010 Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (Công ty Hoàng Quân) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 89/HQ-HĐHT v/v đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân, Công ty Hoàng Quân góp vốn vào dự án 335.500.000.000 đồng, đổi lại Công ty Hoàng Quân nhận được 61.000m<sup>2</sup> đất ở thành phẩm đã đủ cơ sở hạ tầng.

Theo Hồ sơ tài liệu Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 cung cấp cho Đoàn Kiểm tra thi tại thời điểm kiểm tra thuế, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 không có quyết định giao đất; giao dịch giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Hoàng Quân là giao dịch không có hàng hóa. Như vậy, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu liên quan đến Dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân.

Ngày 02/04/2014, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP. HCM có tuyên xử hủy Hợp đồng hợp tác đầu tư này. Buộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 có trách nhiệm trả cho Công ty Hoàng Quân số tiền 55.800.000.000 đồng.

Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT ký ngày 11/12/2015, Biên bản thỏa thuận số 02 ký ngày 10/10/2016 v/v chuyển giao quyền sử dụng đất (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng sau khi kiểm tra số liệu chứng từ do công ty Sông Đà 9.06 cung cấp có liên quan đến quyền sử dụng đất đền bù giải tỏa có diện tích là 41.967,7 m<sup>2</sup>, căn cứ vào bản vẽ Công ty Hoàng Quân đo đạc là 41.104,7 m<sup>2</sup> chênh lệch 863 m<sup>2</sup> sau khi có kết quả đo vẽ lại được 2 bên thống nhất nếu vẫn phát sinh diện tích giảm so với diện tích Công ty Sông Đà 9.06 đã đền bù thì áp dụng đơn giá đã qui định tại khoản 2.1 Điều 2 của biên bản này), Biên bản thỏa thuận số 03 ký ngày 11/11/2016 V/v Thanh toán tiền và thực hiện pháp lý dự án Khu đô thị Sông Đà - Bình Tân (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng, hiện công ty Hoàng Quân đang tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà - Bình Tân tại phường Tân Tạo và phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân trước đây do Công ty Sông Đà 9.06 làm chủ đầu tư đồng thời về công việc thực hiện tại Điều 2 của Biên Bản, Công ty Sông Đà 9.06 cam kết Ủng hộ công ty Hoàng Quân tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà - Bình Tân tại phường Tân tạo và phường Bình Trị Đông A nêu trên, cung cấp ký tên các chứng từ tài liệu có liên quan đến dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật, không tranh chấp khiếu nại khi Công ty Hoàng Quân thực hiện dự án nêu trên hoặc thực hiện dự án có ranh trùng với ranh dự án khu đô thị Sông Đà Bình Tân tại phường tân tạo, Bình trị Đông A nêu trên) và các biên bản làm việc 3 bên (Công ty CP Sông Đà 9.06 - Công ty Cổ phần tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân và Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân - Thành Phố Hồ Chí Minh) với điều kiện Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân thanh toán hết số tiền đã thỏa thuận trước 30/03/2017. Nếu không thanh toán thì các thỏa thuận coi như không có hiệu lực và coi như Công ty CP Sông Đà 9.06 đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân. Công ty CP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân có trách nhiệm trả lại sổ đỏ và giấy tờ liên quan đến 41.967,7m<sup>2</sup> cho Công ty CP Sông Đà 9.06.

Do đó chưa có cơ sở để hạch toán vì vậy chúng tôi không có ý kiến gì về khoản mục này và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Đồng thời chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo nếu công ty ghi nhận theo thỏa thuận thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính bao gồm 5.2; 5.5; 5.11; 5.12; 5.13; 5.15; 5.16



**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo kiểm toán có ý kiến dạng từ chối đưa ra ý kiến do Kiểm toán viên không tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015; Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ tại ngày 31/12/2015; Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi; Số dư khoản mục chi phí phải trả tại ngày 31/12/2015 chủ yếu là các khoản chi phí trích trước tương ứng với doanh thu đã ghi nhận của một số Công trình đã phát sinh nhiều năm và chưa được hoàn chứng từ; Công ty chưa nộp và Cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán nên chúng tôi không đủ cơ sở xác định số dư thuế phải trả; Công ty chưa hạch toán lãi chậm trả tiền bảo hiểm tại thời điểm 31/12/2015.


**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580 -2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2017/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/01/2017 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

**Trần Thúy Hà****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3784 -2016-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>439.189.915.628</b>	<b>441.127.075.729</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>561.818.059</b>	<b>2.364.970.582</b>
1. Tiền	111	5.1	561.818.059	2.364.970.582
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>416.697.784.922</b>	<b>417.862.060.428</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	356.888.673.254	357.388.673.254
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	17.716.993.145	17.686.618.145
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	42.794.820.137	43.489.470.643
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(702.701.614)	(702.701.614)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.867.406.653</b>	<b>20.849.456.767</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	21.867.406.653	20.849.456.767
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.905.994</b>	<b>50.587.952</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	62.905.994	50.587.952
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		433.844.742	433.844.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.844.742)	(433.844.742)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.6	100.000.000	100.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>439.289.915.628</b>	<b>441.227.075.729</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>372.934.711.501</b>	<b>374.517.128.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>372.934.711.501</b>	<b>374.517.128.812</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	14.733.483.101	16.120.259.989
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	5.373.961.833	5.373.961.833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	47.274.017.246	47.274.017.246
4. Phải trả người lao động	314		5.000.481.399	5.061.221.023
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	207.781.730.489	207.781.730.489
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	65.300.000.000	65.300.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	23.493.341.765	23.628.242.564
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.977.695.668	3.977.695.668
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>66.355.204.127</b>	<b>66.709.946.917</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>66.355.204.127</b>	<b>66.709.946.917</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(126.000.000)	(126.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		288.231.000	288.231.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.943.285.944	20.943.285.944
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.008.651.255	3.008.651.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.314.284.072)	(68.959.541.282)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.959.541.282)	(58.681.613.651)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(354.742.790)	(10.277.927.631)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>439.289.915.628</b>	<b>441.227.075.729</b>

Người lập

P. Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc

  
Ba Thi Hoan

  
Ba Thi Hoan



Đinh Ngọc Ánh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	-	27.825.999.845
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	27.825.999.845
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	-	40.510.134.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		-	(12.684.134.405)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	662.610	111.270
7. Chi phí tài chính	22	5.18	-	91.046.591
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	353.305.400	502.857.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(352.642.790)	(13.277.927.631)
11. Thu nhập khác	31		-	3.000.000.000
12. Chi phí khác	32		2.100.000	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	(2.100.000)	3.000.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(354.742.790)	(10.277.927.631)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(354.742.790)	(10.277.927.631)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	(32)	(921)

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

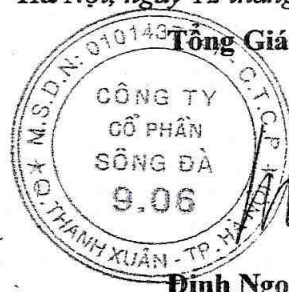
Người lập

p. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Ba Thi Hoan

  
Ba Thi Hoan



  
Dinh Ngoc Anh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(354.742.790)	(10.277.927.631)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	36.230.717
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(662.610)	(111.270)
- Chi phí lãi vay	06	-	91.046.591
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(355.405.400)	(10.150.761.593)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.151.957.464)	(15.520.370.813)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.017.949.886)	(1.275.225.442)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	721.497.617	53.446.183.757
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	1.266.448.349
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(91.046.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.803.815.133)	24.675.227.667
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	662.610	111.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	662.610	111.270
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(22.515.117.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(22.515.117.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.803.152.523)	2.160.221.937
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.364.970.582	204.748.645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quỹ đối ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	561.818.059	2.364.970.582

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

Người lập

P. Kế toán trưởng

  
Ba Thi Hoan

  
Ba Thi Hoan

  
Tổng Giám đốc  
  
Dinh Ngọc Ánh

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là "Công ty") trước đây là doanh nghiệp nhà nước, đã chuyển đổi (cổ phần hoá) theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 111.555.320.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Xây dựng các công trình dân dụng khác gồm: xây dựng đường hầm, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi, giao thông, đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ...

Trong năm 2016 Công ty không có doanh thu

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2016</u>
	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư dài hạn khác.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thu thập Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Sumi SD Thanh Hoá và chưa xem xét đến việc có phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này hay không.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu****Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	410.422.707	238.698.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151.395.352	2.126.272.432
<b>Tổng</b>	<b>561.818.059</b>	<b>2.364.970.582</b>

**5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>356.888.673.254</b>	<b>357.388.673.254</b>
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Đông Đô</i>	<i>6.479.907.857</i>	<i>6.479.907.857</i>
<i>Công ty CP TM - DV Hoàng Quân</i>	<i>340.000.000.000</i>	<i>340.000.000.000</i>
<i>Ban QLDA trường Đại Học Mỏ</i>	<i>3.293.752.000</i>	<i>3.293.752.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>7.115.013.397</i>	<i>7.615.013.397</i>
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>356.888.673.254</b>	<b>357.388.673.254</b>

Trong đó các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng trên 90 ngày chi tiết như sau:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP Sông Đà Đông Đô				6.479.907.857
BQLDA CTXD huyện Đan Phượng	-	-	-	1.263.617.000
Đội XL số 7 - Nguyễn Quốc Tuấn	-	-	-	1.013.654.210
BQLDA Trường ĐH Mỏ	-	-	-	3.293.752.000
Các khách hàng khác	-	-	-	2.458.506.957
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.509.438.024</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>17.716.993.145</b>	<b>17.686.618.145</b>
<i>Công ty CP tài nguyên môi trường VN</i>	894.000.000	894.000.000
<i>DNTNXD Trường Xuân</i>	988.622.268	988.622.268
<i>SMEC Hà Nội</i>	1.345.550.000	1.345.550.000
<i>Cty CP XD và TM Nhất Kiến tạo</i>	1.241.622.500	1.241.622.500
<i>Công ty CP Sông đà 9</i>	692.830.000	692.830.000
<i>Công ty CP tư vấn kiến trúc và XD HCM</i>	500.000.000	500.000.000
<i>Công ty tư vấn triển khai công nghệ và XD mỏ địa chất</i>	300.000.000	300.000.000
<i>Ông Nguyễn Văn Giấy</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
<i>Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	8.254.368.377	8.223.993.377
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>17.716.993.145</b>	<b>17.686.618.145</b>

Trong đó các khoản trả trước cho người bán quá hạn trên 90 ngày chi tiết như sau:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Ông Nguyễn Văn Giấy				2.000.000.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên				1.500.000.000
Cty SMEC HN				1.345.550.000
DNTN Trường Xuân				988.622.268
Trung tâm thủy Điện				385.000.000
Công ty CP Tài Nguyên Môi Trường VN				894.000.000
Trả trước người bán khác				7.405.913.440
<b>Tổng</b>				<b>14.519.085.708</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>42.794.820.137</b>		<b>43.489.470.643</b>	
<b>Phải thu khác</b>	<b>9.477.414.763</b>		<b>9.607.820.269</b>	
Lê Quốc Huy [*]	7.210.000.000	-	7.210.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	260.000.000	-	260.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Sông Đà 36	260.000.000	-	260.000.000	-
Phải thu BHXH Người lao động	1.004.154.746		1.004.154.746	
Phải thu khác	743.260.017	-	873.665.523	-
Tạm ứng	33.317.405.374	-	33.881.650.374	-
Phạm Trung Kiên	1.102.429.370	-	1.102.429.370	-
Nguyễn Xuân Diễm	2.144.875.000		2.144.875.000	
Trần Đức Hạnh - Chủ CT	3.071.338.546		3.071.338.546	
Vương Văn Việt - Đội XL Số 3	2.852.844.244		2.852.844.244	
Nguyễn Văn Dũng - Đội XL Số 5	1.010.407.388		1.010.407.388	
Nguyễn Khắc Tráng	1.013.148.508		1.013.148.508	
Nguyễn Quang Đô	3.664.000.000		3.664.000.000	
Các khoản tạm ứng khác	18.458.362.318		19.022.607.318	
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>42.794.820.137</b>	<b>-</b>	<b>43.489.470.643</b>	<b>-</b>

[\*] tiền chuyển nhượng cổ phần Sông Đà Đông Đô

Trong đó các khoản phải thu quá hạn trên 90 ngày chi tiết như sau:

**Phải thu khác:**

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Lê Quốc Huy				7.210.000.000
Phải thu khác				1.215.803.936
<b>Tổng</b>				<b>8.425.803.936</b>

**Tạm ứng:**

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Phạm Trung Kiên				1.102.429.370
Nguyễn Xuân Diễm				2.144.875.000
Phòng dự án				1.557.320.965
Trần Đức Hạnh				3.071.338.546
Nguyễn Quốc Tuấn				632.490.714
Vương Văn Việt				2.852.844.244
Vũ Văn Dũng				1.010.407.388
Nguyễn Khắc Tráng				1.013.148.508
Nguyễn Quang Đô				3.664.000.000
Tạm ứng khác				5.274.232.024
<b>Tổng</b>				<b>22.323.086.759</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang</b>	<b>21.867.406.653</b>	<b>-</b>	<b>20.849.456.767</b>	<b>-</b>
Công trình đường đan phượng	5.159.384.230		5.159.384.230	
Công trình Đà Lạt Plaza	4.623.159.775		4.623.159.775	
Dự án Sông Đà Bình Tân	3.688.379.723		3.688.379.723	
Công trình TCV I Nậm Chiến	2.010.754.988		2.010.754.988	
Công trình Cà Mau	1.833.578.044		1.833.578.044	
Các hạng mục Khu vực Sơn La	1.525.061.632		1.525.061.632	
Các công trình Khác	3.027.088.261		2.009.138.375	
<b>Tổng</b>	<b>21.867.406.653</b>	<b>-</b>	<b>20.849.456.767</b>	<b>-</b>

**5.6 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP SUMI SD Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

**5.7 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính : VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	397.310.651	36.534.091	433.844.742
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2016	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	397.310.651	36.534.091	433.844.742
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2016	-	-	-
Tại 31/12/2016	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.8 Phải trả người bán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.733.483.101</b>	<b>14.733.483.101</b>	<b>16.120.259.989</b>	<b>16.120.259.989</b>
Công ty CP Sông Đà Đồng Đô	1.965.741.445	1.965.741.445	2.195.741.445	2.195.741.445
Công ty TNHH XD Thái Bình	772.000.000	772.000.000	772.000.000	772.000.000
Cty CP XD Hạ tầng đô thị HN	1.515.579.000	1.515.579.000	1.515.579.000	1.515.579.000
Cty TNHH SXVL Long An	1.605.969.327	1.605.969.327	1.605.969.327	1.605.969.327
Tổng công ty sông đà	2.008.041.018	2.008.041.018	2.006.286.018	2.006.286.018
Phải trả các đối tượng khác	6.866.152.311	6.866.152.311	8.024.684.199	8.024.684.199
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>14.733.483.101</b>	<b>14.733.483.101</b>	<b>16.120.259.989</b>	<b>16.120.259.989</b>

**5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>5.373.961.833</b>	<b>5.373.961.833</b>
Công ty Thủy điện Năm Cát	5.123.760.707	5.123.760.707
Người mua trả tiền trước khác	250.201.126	250.201.126
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>5.373.961.833</b>	<b>5.373.961.833</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

**A. Phải nộp**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	31.500.286.975	-	-	31.500.286.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.628.181.521	-	-	15.628.181.521
Thuế thu nhập cá nhân	145.548.750	-	-	145.548.750
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>47.274.017.246</b>	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>47.274.017.246</b>

**B. Phải thu**

	01/01/2016	Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	50.587.952	12.318.042	-	62.905.994
Thuế TNDN Nộp thừa	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>50.587.952</b>	<b>12.318.042</b>	<b>-</b>	<b>62.905.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Chi phí phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>207.781.730.489</b>	<b>207.781.730.489</b>
Dự án Sông Đà Bình Tân	200.948.204.866	200.948.204.866
CT Thủy Điện sesan 4	1.231.458.515	1.231.458.515
CT Hồ chứa nước IAMLA	640.815.466	640.815.466
CT Xưởng May Nông Nghiệp	597.321.291	597.321.291
CT đập Cầu Thành - Thái Nguyên	829.916.898	829.916.898
CT Cấp nước Phú Lạc - Đại từ Thái Nguyên	802.068.322	802.068.322
Dự án qui hoạch 3 xã Đan Phượng	1.020.451.818	1.020.451.818
Chi phí phải trả khác	1.711.493.313	1.711.493.313
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>207.781.730.489</b>	<b>207.781.730.489</b>

**5.12 Doanh thu chưa thực hiện**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu dự án Bình Tân	65.300.000.000	65.300.000.000
<b>Tổng</b>	<b>65.300.000.000</b>	<b>65.300.000.000</b>

**5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>23.493.341.765</b>	<b>23.628.242.564</b>
- Kinh phí công đoàn;	339.543.983	339.543.983
- Bảo hiểm xã hội;	837.371.328	1.156.371.328
- Bảo hiểm y tế;	164.126.315	164.126.315
- Bảo hiểm thất nghiệp;	29.969.460	29.969.460
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	22.122.330.679	21.938.231.478
+ Tiền cổ tức phải trả	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Ngân hàng phát triển VN - Lãi vay	-	-
+ Phải trả phải nộp khác	2.122.330.679	1.938.231.478
<b>b) Dài hạn (chỉ tiết từng khoản mục)</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>23.493.341.765</b>	<b>23.628.242.564</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÀU B 09 - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(58.681.613.651)	76.987.874.548
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	10.277.927.631	10.277.927.631
Lãi/Lỗ	-	-	-	-	-	10.277.927.631	10.277.927.631
Số dư tại 31/12/2015	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.959.541.282)	66.709.946.917
Số dư tại 01/01/2016	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.959.541.282)	66.709.946.917
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/Lỗ	-	-	-	-	-	354.742.790	354.742.790
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	354.742.790	354.742.790
Số dư tại 31/12/2016	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(69.314.284.072)	66.355.204.127

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016	Năm 2015
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	111.555.320.000	111.555.320.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	111.555.320.000	111.555.320.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2016	1/1/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
<b>- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.155.132	11.155.132
+ Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	11.155.132	11.155.132
Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP***5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu xây dựng	-	27.825.999.845
<b>Tổng</b>	-	<b>27.825.999.845</b>
Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>-</b>	<b>27.825.999.845</b>

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	40.510.134.250
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>40.510.134.250</b>

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	662.610	111.270
<b>Tổng</b>	<b>662.610</b>	<b>111.270</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	-	91.046.591
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>91.046.591</b>

**5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	219.333.319	201.274.564
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.749.987
Chi phí khấu hao	-	36.230.717
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.005.818	124.648.108
Chi phí khác bằng tiền	121.966.263	133.954.529
<b>Tổng</b>	<b>353.305.400</b>	<b>502.857.905</b>

**5.20 Thu nhập khác/chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng của Cty Long Xuyên	-	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
Chi phí khác		
Chi phí khác	2.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>2.100.000</b>	<b>-</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(2.100.000)</b>	<b>3.000.000.000</b>

**5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(354.742.790)	(10.277.927.631)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp do giảm doanh thu	-	-
Thu nhập chịu thuế công ty	(354.742.790)	(10.277.927.631)
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(70.948.558)	(2.261.144.079)
Thuế phải nộp theo Quyết định cơ quan thuế	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(354.742.790)	(10.277.927.631)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(354.742.790)	(10.277.927.631)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	11.155.532	11.155.532
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(32)	(921)

**5.23 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	240.584.000
Chi phí nhân công	1.194.932.520	201.274.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.356.503	111.807.936
Chi phí khác bằng tiền	120.776.263	576.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.427.065.286</b>	<b>1.149.666.500</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	-	132.316.097
<b>Tổng</b>		<b>-</b>	<b>132.316.097</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng công ty Sông Đà	Công nợ phải trả	2.008.041.018	2.006.286.018
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	Công nợ phải thu	6.479.907.857	6.479.907.857



**6.2 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.818.059	2.364.970.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	399.683.493.391	400.878.143.897
<b>Tổng</b>	<b>400.345.311.450</b>	<b>403.343.114.479</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	38.226.824.866	39.748.502.553
Chi phí phải trả	207.781.730.489	207.781.730.489
<b>Tổng</b>	<b>246.008.555.355</b>	<b>247.530.233.042</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty không có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dự trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	38.226.824.866	-	38.226.824.866
Chi phí phải trả	207.781.730.489	-	207.781.730.489
01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	39.748.502.553	-	39.748.502.553
Chi phí phải trả	207.781.730.489	-	207.781.730.489

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.818.059	-	561.818.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	399.683.493.391	-	399.683.493.391
01/01/2016	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.364.970.582	-	2.364.970.582
Phải thu khách hàng và phải thu khác	400.878.143.897	-	400.878.143.897



6.3 Thông tin so sánh


Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2017

Người lập

Đ. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Ba Chi Hoan

  
Dinh Ngoc Anh



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Dinh Ngoc Anh

Ngày: 04-05-2017

Số CT: 3930.....Quyển số: 05.....SCT/BS



  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Thị Thanh Ngân

